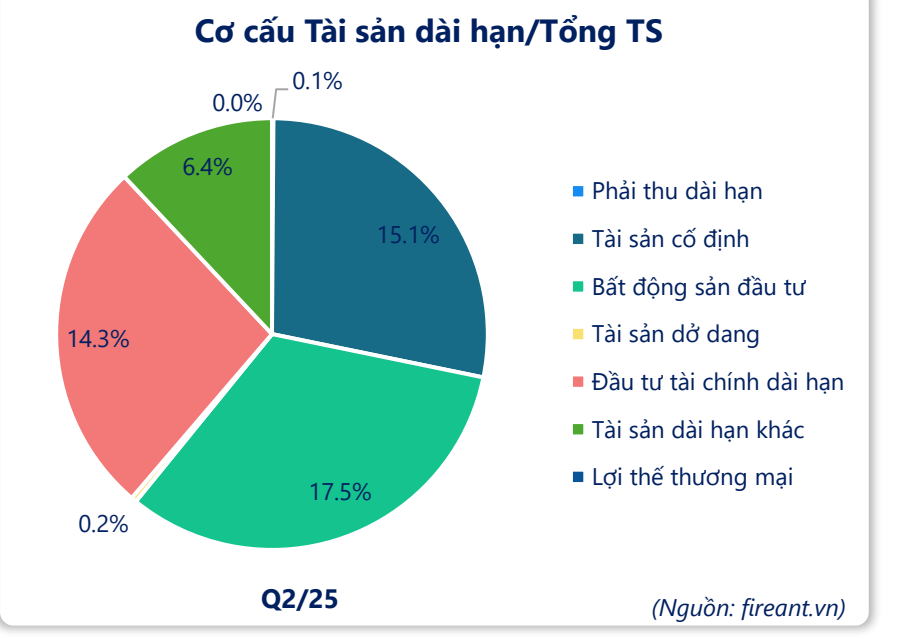
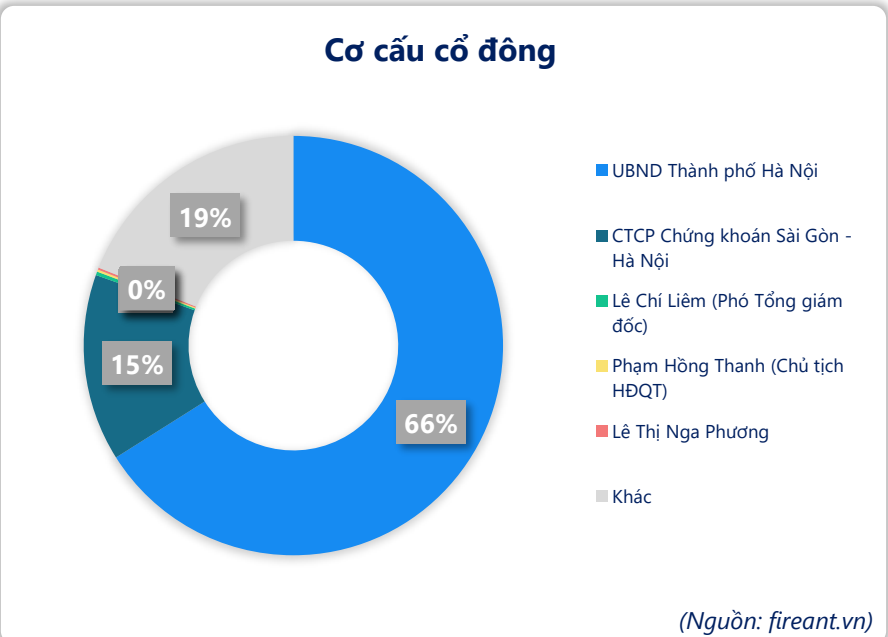
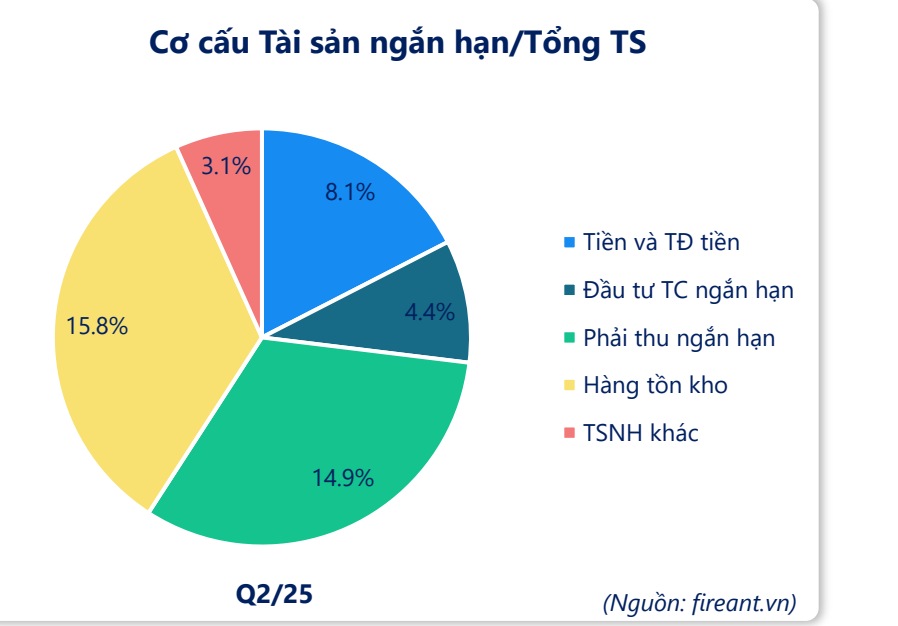
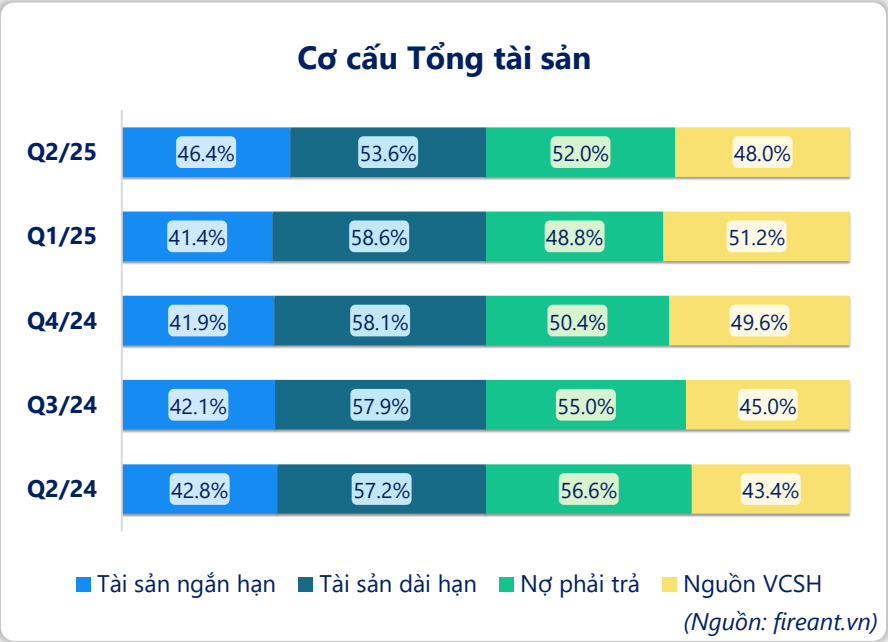
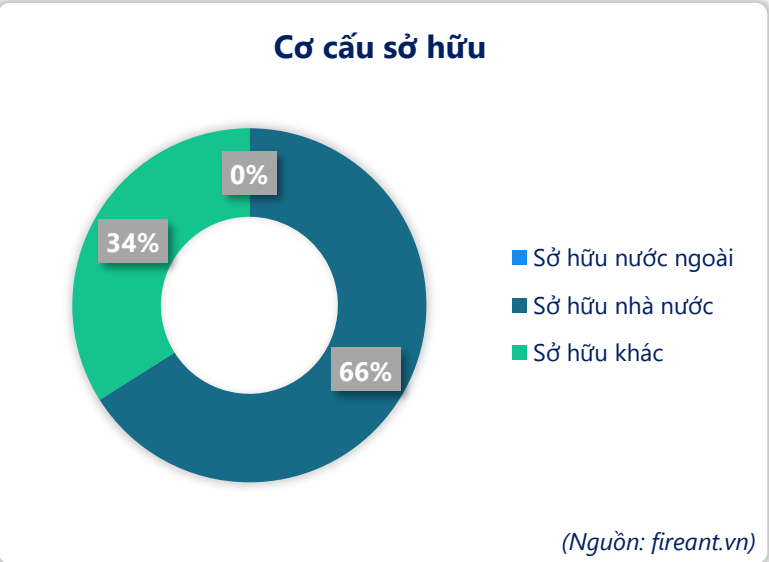
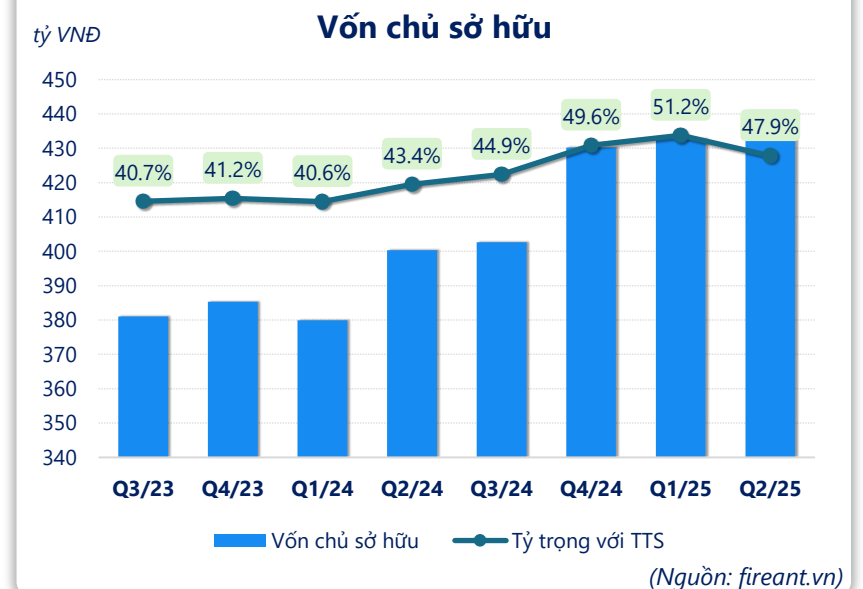
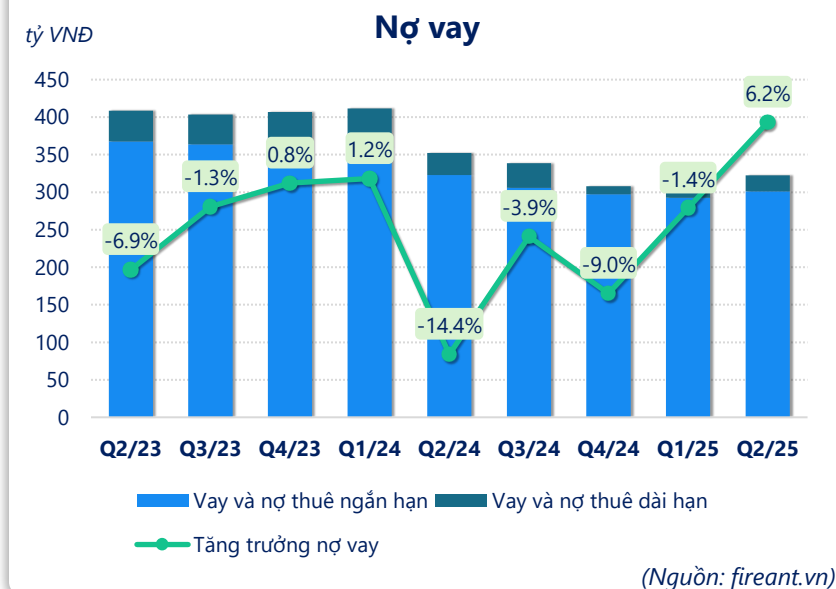
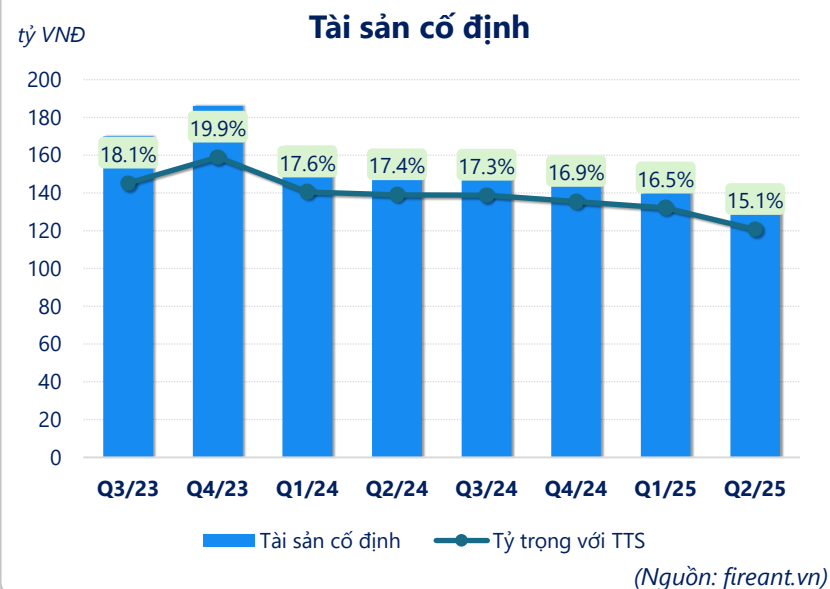
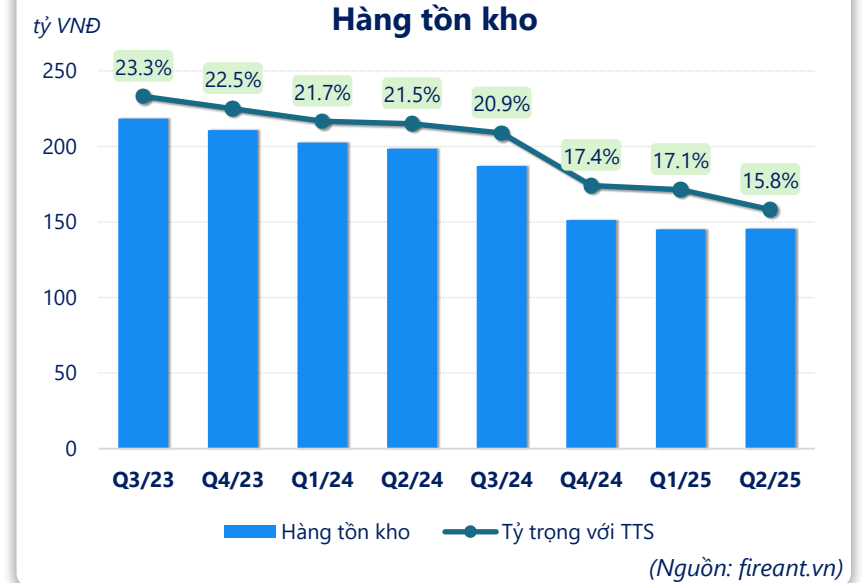
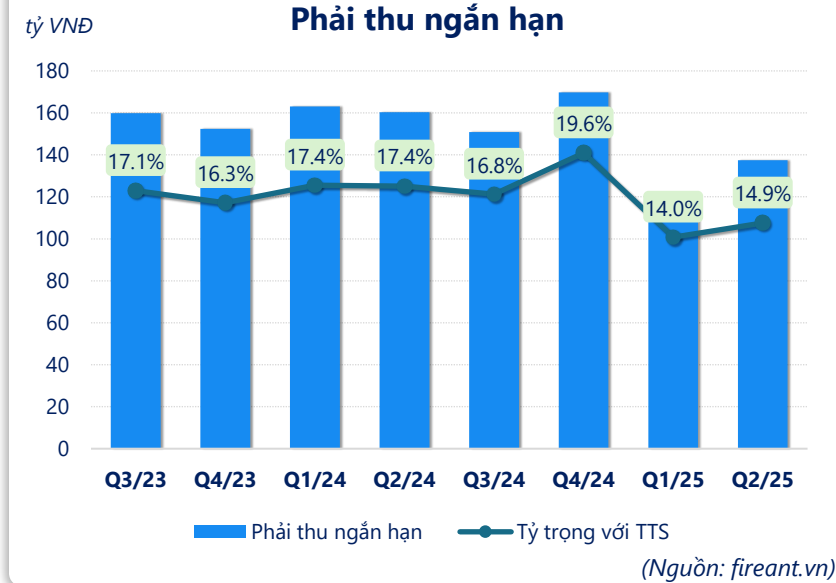
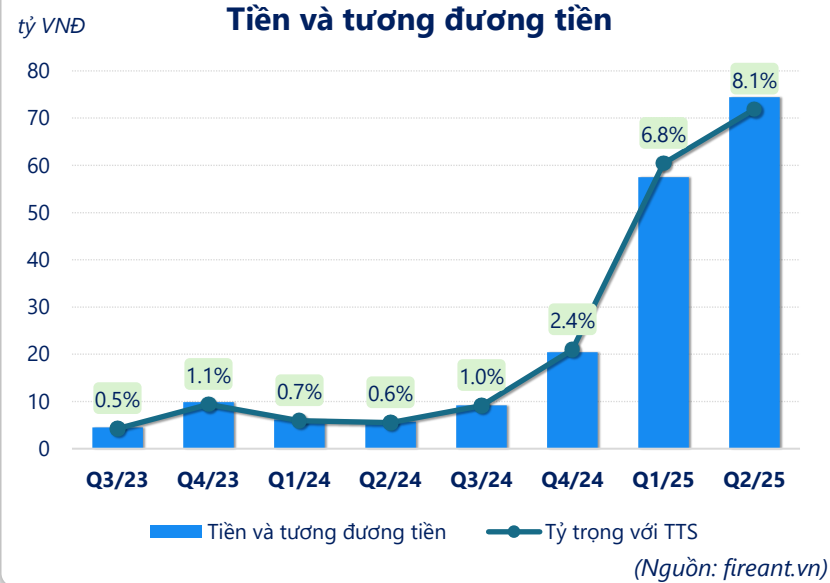
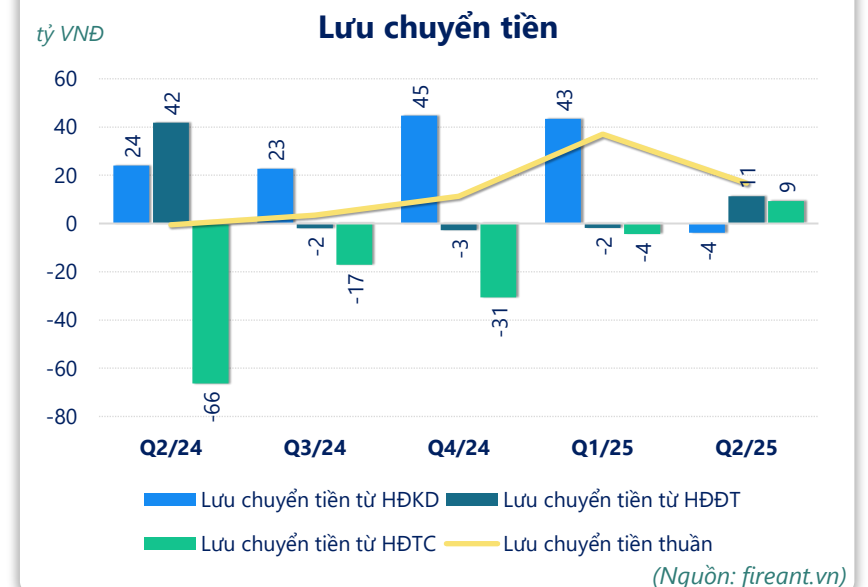
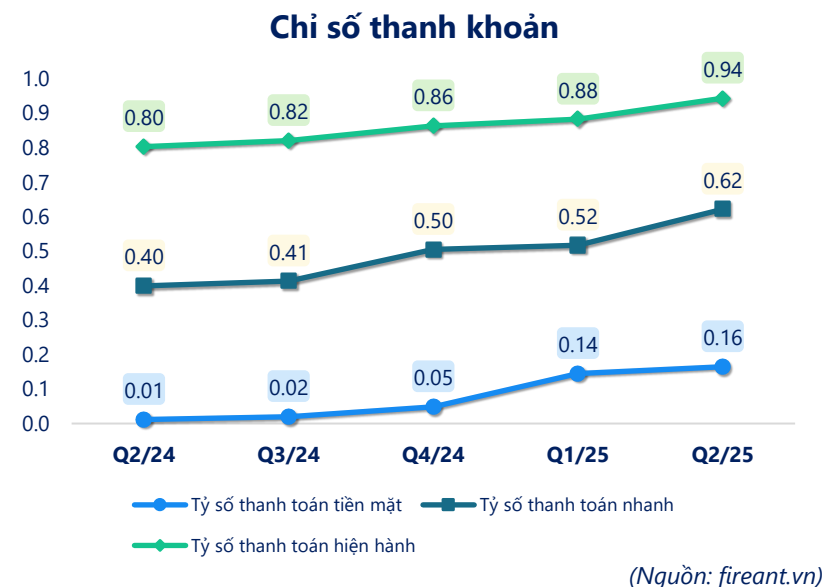
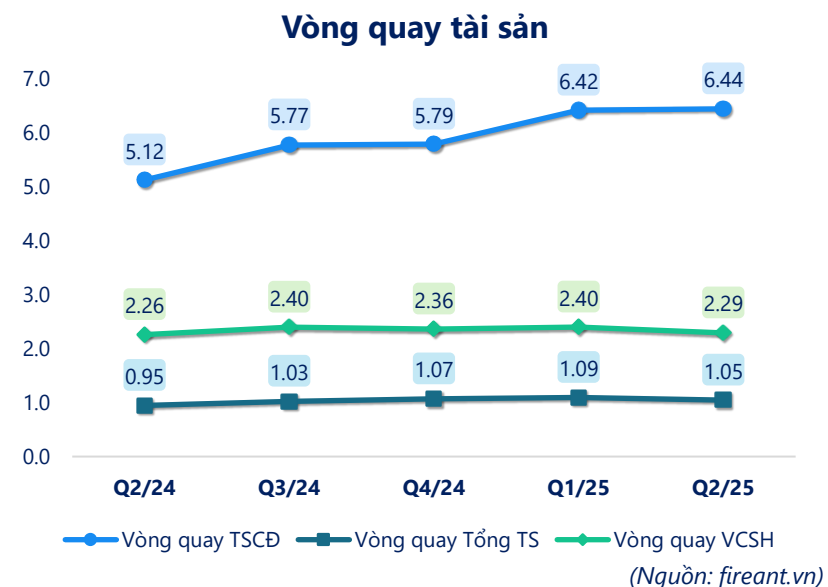
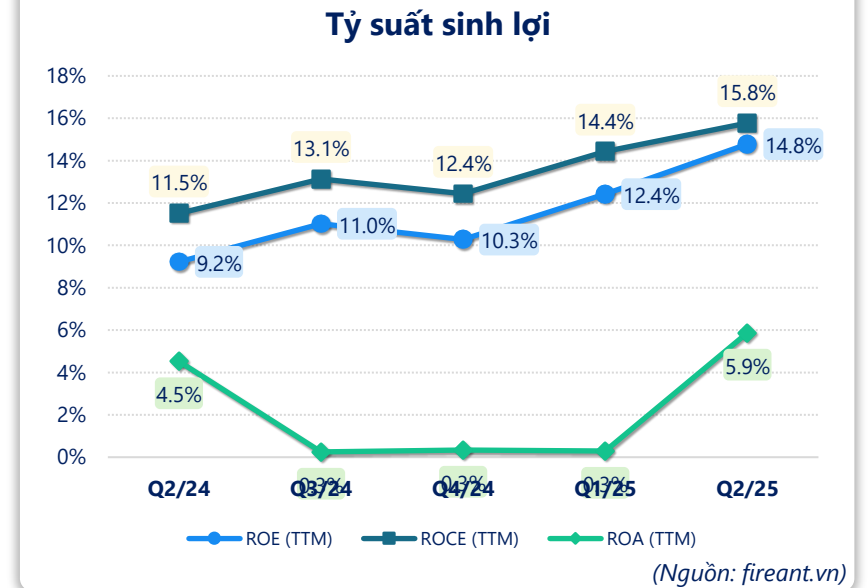
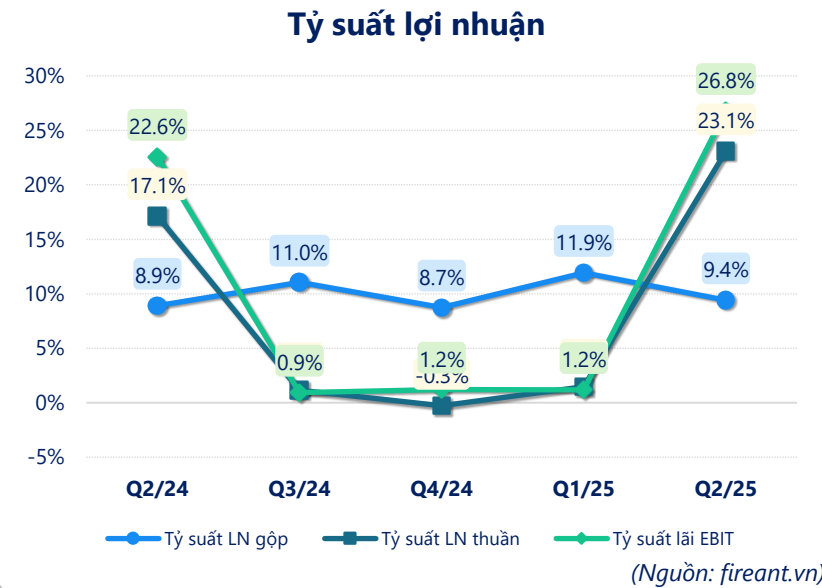
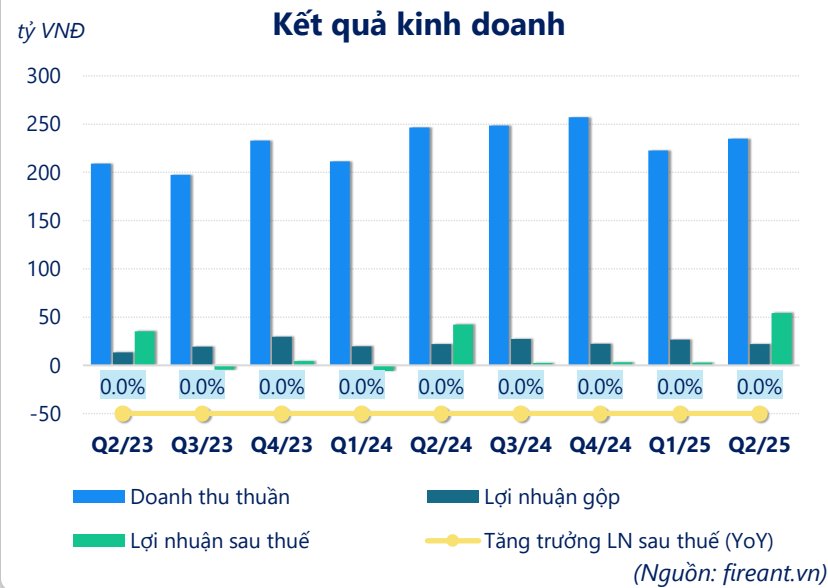


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		18,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		21,759
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		14,521
SL cổ phiếu LH		19,200,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		60
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		353
P/E		5.7
EPS		3,238

	YTD	1T	3T	6T
KTL	11.2%	13.8%	-11.6%	-5.9%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	920	868	6.1%
Tài sản ngắn hạn	427	363	17.5%
Tiền và tương đương tiền	74.4	20.4	264%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	40.5	0.46	8649%
Phải thu ngắn hạn	137	170	-19.1%
Hàng tồn kho	146	151	-3.8%
Tài sản ngắn hạn khác	28.7	21.2	35.7%
Tài sản dài hạn	494	505	-2.2%
Phải thu dài hạn	0.54	0.49	8.2%
Tài sản cố định	139	147	-5.5%
Bất động sản đầu tư	161	164	-1.8%
Tài sản dở dang	2.00	2.16	-7.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	132	132	0.0%
Tài sản dài hạn khác	59.2	58.9	0.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	479	437	9.6%
Nợ ngắn hạn	452	421	7.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	301	297	1.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	82.8	75.6	9.6%
Nợ dài hạn	26.8	15.5	72.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	21.6	10.9	98.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	441	431	2.5%
Vốn chủ sở hữu	441	430	2.5%
Vốn điều lệ	192	192	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0.52	0.52	0.0%

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	246	249	257	223	235
Giá vốn hàng bán	224	221	235	196	213
Lợi nhuận gộp	22.0	27.4	22.5	26.6	22.1
Doanh thu HĐTC	48.7	0.23	2.12	0.55	56.1
Chi phí TC	6.79	5.48	5.93	4.36	4.57
Chi phí lãi vay	13.2	0	0	0	8.78
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.49	0.41	0.44	0.45	0.17
Chi phí QLDN	21.2	18.9	19.0	19.0	19.2
LN thuần từ HĐKD	42.2	2.89	-0.71	3.31	54.2
Lợi nhuận khác	0.19	-0.58	3.83	-0.69	-0.10
LN trước thuế	42.4	2.31	3.12	2.62	54.1
Lợi nhuận sau thuế	42.4	2.31	3.12	2.62	54.1
LNST của CĐ cty mẹ	42.4	2.31	3.12	2.62	54.1

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	24.0	22.6	44.7	43.3	-3.83
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	41.8	-2.01	-2.79	-1.90	11.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-66.3	-17.1	-30.7	-4.39	9.35
Tiền đầu kỳ	6.23	5.70	9.21	20.4	57.5
Lưu chuyển tiền thuần	-0.55	3.51	11.2	37.0	16.8
Ảnh hưởng tỷ giá	0.02	0	0.02	0	0.17
Tiền cuối kỳ	5.70	9.21	20.4	57.5	74.4

(Nguồn: fireant.vn)